p.104

VĂN HỌC A-Tỳ-Đàm

Abhidharma (A-Tỳ-Đàm), có nghĩa là “nghiên cứu về pháp – study on the dharma”. Đây là thể loại văn học liên quan những vấn đề triết lý và thần học. Cụ thể hơn, đây là những văn bản có thêm chú thích, chú giải. Có vẻ như từ “Abhidharma” xuất phát từ “**mātṛkā”,** với lịch sử phát triển lâu dài. Sự phân hóa Tăng đoàn được mô tả trong Samayabhe-doparaccanacakra, qua những phiên bản bằng tiếng Trung Hoa, chính là hình thức vừa nêu trên.

Trong lịch sử, có khá nhiều văn bản A-Tỳ-Đàm trong các bộ phái. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, chỉ còn bộ Luận của Thượng Tọa Bộ và Nhứt Thiết Hữu Bộ, cùng một số ít bộ Luận của các bộ phái khác, được lưu hành. Theo đó, Thượng Tọa Bộ còn lưu giữ được 7 văn bản sau:

1. ***Dhammasaṅgaṇi (Pháp tụ): bộ chú giải Atthasālinī.***
2. ***Vibhaṅga (Phân biệt): Dhammahadaya-vibhaṅga, Chương XVIII được bổ sung sau này.***
3. ***Kathāvatthu: tập Luận Sự này trình bày những tranh luận về các giáo điều.***
4. ***Puggalapaññatti (Nhân thi thuyết Luận): Tập này được biên soạn dựa theo nguyên bản gốc từ Aṅguttara-Nikāya.***
5. ***Dhātukathā (Chất ngữ)***
6. ***Yamaka (Song đối)***
7. ***Paṭṭhāna (Vị trí)***

***Nhứt Thiết Hữu Bộ cũng lưu lại được 7 văn bản, đã được dịch sang tiếng Trung Hoa, gồm:***

1. ***Jñānaprasthāna-sāstra (Phát trí luận): được cho là của Kātyāyanīputra.***
2. ***AbhidarmaSaṅgītiparyāyapāda-sāstra (Dị môn túc luận)….***
3. ***Dharmaskandha [Pháp uẩn túc luận***

***1., T-1536]  
2., T-1537]  
3. Prajñāptiśāstra [Thi thiết túc luận, T-1538]  
4. Dhātukāya [Giới thân túc luận, T-1540]  
5. Vjñākāya [Thức thân túc luận, T-1539]  
6. Prakaraṇapāda [Phẩm loại túc luận, T-1541, 1542]  
7., , T-1544, 1543] [1]  
Tập dị môn túc luận (zh. 集異門足論, sa. saṅgītiparyāya): bao gồm những bài giảng theo hệ thống số, tương tự như Tăng chi bộ kinh;  
2. Pháp uẩn túc luận (zh. 法蘊足論, sa. dharmaskandha): gần giống như Phân biệt luận trong A-tì-đạt-ma của Thượng toạ bộ;  
3. Thi thiết túc luận (zh. 施設足論, sa. prajñaptiśāstra): trình bày dưới dạng Kệ những bằng chứng cho những sự việc siêu nhiên, thần bí;  
4. Thức thân túc luận (zh. 識身足論, sa. vijñānakāya): nói về các vấn đề nhận thức. Có vài chương nói về những điểm tranh luận giống Luận sự (pi. kathāvatthu), Giới luận (pi. dhātukathā) và Phát thú luận (zh. paṭṭhāna) trong A-tì-đạt-ma của Thượng toạ bộ;  
5. Giới thân túc luận (zh. 界身足論, sa. dhātukāya): gần giống Giới thuyết luận (pi. dhātukathā) của Thượng toạ bộ;  
6. Phẩm loại túc luận (zh. 品類足論, sa. prakaraṇa): bao gồm cách xác định những thành phần được giảng dạy và sự phân loại của chúng;  
7. Phát trí luận (zh. 發智論, sa. jñānaprasthāna): xử lí những khía cạnh tâm lí của Phật pháp như Tùy miên (zh. 隨眠, sa. anuśaya), Trí (智, sa. jñāna), Thiền (禪, sa. dhyāna) v.v… (xem thêm Tâm sở) (theo CHÂN NGUYÊN / bản điện tử). - N.D.*[2]cittaviprayuktasaṃkāra*: Hành không tương ưng với tâm. Tức là các căn, tuy nằm trong tâm sở, nhưng có khuynh hướng tăng thượng, không bị sắc pháp ô nhiễm. Như: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ (Lớp Câu-xá / Phạn-Hán-Anh-Pháp đối chiếu do thầy TUỆ SỸ dạy).***

Bộ sách liệt kê nhiều giáo điều nhất của Nhứt Thiết Hữu Bộ là Đại Tỳ Bà Sa Luận - Abhidharma-māhā-vibhāṣā-sātra (bộ Luận giải thích nhiều nhất về các học thuyết), với các chú giải chi tiết, tường tận về Phát Trí Luận - Abhidharma jñānaprasthāna-sāstra. Tập sách này đã thất lạc phiên bản gốc Sanskrit; cũng không có phiên bản bằng tiếng Tây Tạng; chỉ còn 2 phiên bản tiếng Trung Hoa, nhưng lại không đồng nhất một số giáo điều. Bản dịch của Ngài Huyền Trang (Hsuan-tsang) lên tới 200 đầu sách, đóng thành bộ sách Trung Hoa; được thực hiện dưới triều đại Vua Kaniṣka. Có vẻ như trong kỳ Đại hội Kết Tập lần thứ IV (Fourth Congress), từng đề cập đến việc biên soạn tài liệu này, nhưng thực tế đã không diễn ra. Một trong 2 phiên bản bằng tiếng Trung Hoa ra đời sau đó, do Ngài Huyền Trang thực hiện, có phần giải thích cặn kẻ hơn. Thế cũng nhờ sự khác biệt giữa 2 phiên bản này, mà những thuyết lập dị được chuyển đến các triết gia chuyên môn. Còn nhiều ý kiến khác được đề cập trong tập Luận này. Ý kiến của Ngài Thế Hữu được nhắc đến nhiều nhất trong tập Luận này, là 1 vị tác gia nổi tiếng với rất nhiều tác phẩm để đời. Thế nhưng, chúng ta cũng không cần để tâm có nhiều vị mang tên Thế Hữu, cũng như có bao người trùng tên Dharmatrāta. Ngài Dharmatrāta, tác giả của bộ Luận …, thường được đề cập trong bộ Luận Đại Tỳ Bà Sa, được xem là bộ Luận ra đời sớm nhất, mở đường cho những bộ Luận sau đó hình thành. Ngài Buddhadeva, được xem là gương mặt tiêu biểu cho Phái Nhứt Thiết Hữu Bộ, đã nhận sự cúng dường **của stupā with the sangharama từ nhà lãnh đạo Saka,** như đã từng đề cập trong phần ghi chú của Mathurā Lion Capital, có thể là Buddhadeva đã nêu lên trong Đại Tỳ Bà Sa Luận. Bộ sưu tầm về phiên bản tiếng Trung Hoa của Bộ Luận Đại Tỳ Ba Sa được tìm thấy tại miền Trung Á.

Bộ Luận Xá-Lợi-Phất, mà nguồn gốc tác giả thường hay được nhắc nhiều nhất là Ngài Xá-Lợi-Phất, mà quan điểm tông phái không rõ ràng lắm, có quan hệ chặt chẽ với Vibhajjavādins. Bộ Luận này, sau triều đại Vua Asoka, được Vāstsīputrīyas sưu tập và bổ sung. Một số kết nối trong Đại Chúng Bộ đã chứng minh đấy chính là giềng mối của học thuyết cho rằng bản chất tâm là trong sáng, thanh cao. Bộ Luận ... của Nhứt Thiết Hữu Bộ, không chỉ trình bày các học thuyết riêng của bộ phái, mà có cả những bộ phái khác nữa.

Ngài Dharmasi đã soạn bộ Luận Abhidharma-hṛdaya-sāstra vào khoảng năm 200 sau Tây Lịch. Ngài Upasānta soạn Abhidharma-hṛdaya-sūtra, giải thích cho bộ của luận Ngài Dharmasi vừa nêu trên. Ngài Dharmatrāta (năm 380 sau Tây Lịch) có tác phẩm Saṃyukta-abhidharma-hṛdaya-sāstra. Tác phẩm Abhidharmāmṛta-sātra được xem là của Ngài Bhadanta Ghoṣaka, là một triết gia lão làng về Đại Tỳ Ba Sa Luận của Nhứt Thiết Hữu Bộ. Tác phẩm duy nhất Sāṃmitīya-nikāya-sātra của phái Sāṃmitīya có được bảo tồn bằng tiếng Trung Hoa. (Bộ này không có bản Sanskrit). Trong văn bản thảo luận về tầm quan trọng của sự tồn tại của bản ngã (pudgala). Có 1 văn bản Sanskrit (khoảng trước nửa sau thế kỷ 5 sau Tây Lịch), mô tả sự hành hình ở 8 tầng địa ngục nóng được phát hiện tại Nhật Bản. Trong khi đó, những bản Kinh được nghiên cứu đầu tiên tại Trung Hoa liên quan những vấn đề Thiền của Hīnayāna.